

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Hán Nôm, mã số ngành: 9220104.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Hán Nôm ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Khoa Văn học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: HÁN NÔM

MÃ SỐ: 9220104

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2913/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Hán Nôm

+ Tiếng Anh: Sino-Nom

- Mã số ngành đào tạo: 9220104

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Hán Nôm

+ Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Sino-Nom

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ Hán Nôm nhằm đào tạo chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy lý thuyết cũng như thực hành Hán Nôm, thực hiện các nhiệm vụ mà xã hội và đất nước đặt ra cho công tác Hán Nôm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao về chuyên môn Hán Nôm có:

- Kiến thức về ngôn ngữ - văn tự - văn hóa trên các lĩnh vực Hán văn Trung Quốc,

Hán văn Việt Nam, chữ Nôm và văn bản Nôm sâu rộng, kết hợp lý thuyết và thực hành, mang tính hệ thống, liên ngành, tích hợp;

- Khả năng minh giải, phân tích, khai thác các giá trị chứa đựng trong các loại hình văn bản Hán Nôm cả về phương diện nội dung và hình thức; khả năng làm việc độc lập, chủ động, sáng tạo, phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến Hán Nôm cả ở bình diện các mối liên hệ bên trong cũng như các mối liên hệ bên ngoài văn bản Hán Nôm với các nhân tố lịch sử, xã hội, văn hiến và văn hóa;

- Trân trọng các giá trị truyền thống; làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm; có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng:

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành Hán Nôm.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu:

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ

yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ:

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội tương đương trình độ bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học

(hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành phù hợp

Ngành phù hợp: Hán Nôm.

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được Đại học Quốc gia Hà Nội cấp hàng năm (dự kiến từ 3-5 NCS/1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lý luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lý thuyết mới, tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Hán Nôm.

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác

(bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho tác giả sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án.

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực Hán Nôm, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành.

- Kết quả luận án có giá trị đối với lĩnh vực Hán Nôm, về lý thuyết khoa học cũng như thực tiễn, tạo dựng các giá trị bền vững thông qua hoạt động của người học.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu và đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Công bố tối thiểu kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy

tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO 1: Xác định được những nguyên lý của thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác - Lê nin, vận dụng vào học tập và nghiên cứu Hán Nôm.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO 2: Vận dụng được tri thức liên ngành về ngữ văn học, văn hóa, tư tưởng... vào học tập và nghiên cứu chuyên môn Hán Nôm.

PLO 3: Minh giải được văn bản Hán Nôm trên các phương diện: ngôn ngữ và văn tự; nội dung và hình thức trên cơ sở giải quyết được các vấn đề về mặt văn bản học của văn bản.

PLO 4: Phân tích được các vấn đề về văn bản, nội dung chủ yếu của Hán văn Trung Quốc (kinh điển Nho học, Phật Đạo; Bách gia chư tử...) thông qua nghiên cứu văn bản, trích đoạn nguyên điển mang tính chủ điểm, chủ đề, phản ánh các mối liên hệ giữa văn bản đó với các vấn đề về lịch sử và văn hóa.

PLO 5: Phân tích được diễn trình, đặc điểm của Hán văn Việt Nam qua các thời kỳ.

PLO 6: Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản về chữ Nôm, văn bản Nôm trong mối liên hệ với các giai đoạn phát triển của tiếng Việt về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong lịch sử.

3.3. Kiến thức học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

PLO 7: Hệ thống hóa được những kiến thức mang tầm lý thuyết và phương pháp mang tính dẫn đường như: cách tiếp cận di sản Hán Nôm theo hướng liên ngành, văn tự học và văn tự học Hán Nôm, thuyết thích học...

PLO 8: Phân tích, đánh giá được văn bản Hán Nôm có độ tương đối phức tạp về văn bản học cũng như về ngôn ngữ văn tự, đa dạng về nội dung và lĩnh vực phản ánh ứng với các chủ đề, đề tài nghiên cứu cụ thể của luận án.

PLO 9: Tổng quan được vấn đề nghiên cứu của luận án và xác định hướng nghiên cứu của luận án.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 10: Phiên, dịch, chú và khai thác được nguyên điển Hán Nôm.

PLO 11: Sử dụng được các phương pháp và thao tác, các công cụ phục vụ nghiên cứu để khai thác những yếu tố bên trong văn bản Hán Nôm, định hướng xem xét các vấn đề về phương diện nội dung của văn bản Hán Nôm theo hướng liên ngành, phù hợp với đặc tính tổng hợp của những vấn đề được văn bản hóa trong văn bản Hán Nôm cũng như đặc trưng tổng hợp của văn hóa trung đại.

PLO 12: Có năng lực viết bài nghiên cứu, trình bày và trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.

PLO 13: Có khả năng xác định các định hướng nghiên cứu; xây dựng và triển khai đề tài, đề án; công bố công trình nghiên cứu, tham gia thảo luận trong nước và quốc tế và phổ biến các kết quả nghiên cứu chuyên môn; giao tiếp, dân vận trong công tác sưu tầm di sản Hán Nôm trong dân gian.

PLO 14: Có khả năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu; phối hợp công việc trong xây dựng đề tài, tổ chức nghiên cứu và công tác điền dã.

PLO 15: Có khả năng phát hiện vấn đề và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề; có tư duy phản biện trong khoa học và thực tiễn.

PLO 16: Có khả năng tổ chức thời gian và quản lý công việc một cách khoa học, sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp.

5. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO 17: Đưa ra các ý tưởng chuyên môn mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau (nghiên cứu, bảo tồn Hán Nôm trên di văn tại di tích lịch sử văn hoá, trong các kho sách Hán Nôm, các thư viện...).

PLO 18: Thích ứng với các môi trường hoạt động chuyên môn đa dạng, tự định hướng và dẫn dắt các nhóm chuyên môn (sinh viên thực tập, học viên cao học...).

PLO 19: Đánh giá, đưa ra kết luận mang tính chuyên gia liên quan đến chuyên môn Hán Nôm, có khả năng tư vấn chuyên sâu cho các hoạt động Hán Nôm.

PLO 20: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập và phát triển tri thức chuyên ngành Hán Nôm, có kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới.

PLO 21: Trân trọng các giá trị truyền thống; tinh thần làm việc có trách nhiệm,

hợp tác và tôn trọng tính đa dạng, sự khác biệt; có thái độ liêm chính khoa học và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

6. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Làm công tác nghiên cứu, giảng dạy Hán Nôm và ngữ văn cũng như quản lý khoa học trong các viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng, các trường trung học chuyên nghiệp và phổ thông.

- Làm công tác chuyên môn trong các cơ quan quản lý và nghiệp vụ văn hóa cũng như trong các tổ chức kinh tế - xã hội.

- Làm công tác trong các cơ quan truyền thông, báo chí, thông tấn, xuất bản ở trung ương và địa phương.

- Làm công tác chuyên môn trong các cơ quan và trung tâm lưu trữ quốc gia, các thư viện trung ương và địa phương.

- Làm công tác bảo tồn bảo tàng, phiên dịch, thuyết minh văn bản Hán Nôm cổ, tư vấn trùng tu tôn tạo di tích lịch sử và văn hóa.

- Làm công tác du lịch và các hoạt động văn hóa, xã hội...

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học vị Tiến sĩ Hán Nôm là bước khởi điểm của chuyên gia nghiên cứu các lĩnh vực thuộc chuyên ngành Hán Nôm. Nghiên cứu sinh đạt học vị này có năng lực cho các hướng nghiên cứu chuyên sâu và liên ngành, như văn bản học Hán Nôm, tác phẩm tác giả Hán Nôm, văn tự Hán Nôm....

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:**90** tín chỉ, trong đó:

- Các học phần tiến sĩ:**9** tín chỉ

+ Bắt buộc:**6** tín chỉ

+ Tự chọn:**3** tín chỉ/**6** tín chỉ

- Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **8** tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ:**6** tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan:**2** tín chỉ

+ Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*).

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*).

- Luận án tiến sĩ:**73** tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:**129** tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung:**39** tín chỉ

+ Bắt buộc:21 tín chỉ

+ Tự chọn:18 tín chỉ/36 tín chỉ

- Các học phần tiến sĩ:**9** tín chỉ

+ Bắt buộc:6 tín chỉ

+ Tự chọn:3 tín chỉ/6 tín chỉ

- Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **.8** tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ:6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan:2 tín chỉ

+ Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Luận án tiến sĩ:**73** tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		9				
I.1	Các học phần bắt buộc		6				
1	SIN8001	Di sản Hán Nôm từ hướng tiếp cận liên ngành <i>An Interdisciplinary Approach to Sino-Nom Heritage</i>	3	45	0	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
2	SIN8002	Văn tự học và văn tự học Hán Nôm <i>Grammatology and Grammatology for Sino-Nom Studies</i>	3	45	0	105	
I.2	Các học phần tự chọn		3/6				
3	SIN8003	Thuyên thích học truyền thống và hiện đại <i>Traditional and Modern Hermeneutics</i>	3	45	0	105	
4	SIN8018	Di sản Hán Nôm trong đời sống xã hội Việt Nam truyền thống và đương đại <i>Sino-Nom Heritage in Vietnamese Social Life: Tradition and Contemporary</i>	3	45	0	105	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
5	SIN8005	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	5	0	95	
6	SIN8006	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	5	0	95	
7	SIN8007	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	5	0	95	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
8	SIN8011	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	05	0	95	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định						
IV	Luận án		73				
9	SIN9002	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	73	0	0	3650	
Tổng cộng			90				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		39				
I.1	Các học phần bắt buộc		21				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	SIN6034	Phương pháp tiếp cận ngữ văn Hán Nôm <i>Philological Approach to Sino-Nom Studies</i>	2	30	0	70	
3	SIN6036	Chữ Nôm và một số vấn đề về lịch sử tiếng Việt <i>Nom Script and Some Issues of the History of Vietnamese Language</i>	2	30	0	70	
4	SIN6059	Luận ngữ và Luận ngữ học <i>Lunyu (The Analects) and Lunyu Studies</i>	2	30	0	70	
5	SIN6060	Kinh Thi và tiếp nhận Thi học tại Việt Nam <i>Shijing (The Classic of Poetry) and the Reception of Shijing in Vietnam</i>	2	30	0	70	
6	SIN6061	Kinh Thư và chính trị học Nho gia <i>Shujing (The Classic of Documents) and Confucian Politics</i>	2	30	0	70	
7	SIN6063	Hán văn Việt Nam <i>Vietnam's Chinese Writings</i>	4	60	0	140	
8	SIN6071	Thể tài văn bản Hán Nôm <i>Genres in Sino-Nom Texts</i>	3	45	0	105	
I.2	Các học phần tự chọn		18/36				
9	SIN6072	Lịch sử văn hoá Việt Nam <i>A History of Vietnamese Culture</i>	3	45	0	105	
10	SIN6067	Lịch sử tư tưởng phương Đông <i>Eastern History of Thoughts</i>	3	45	0	105	
11	SIN6073	Văn bản học Hán Nôm (II) <i>Textology for Sino-Nom Studies (II)</i>	3	45	0	105	
12	SIN6074	Chế độ khoa cử và văn chương khoa cử Việt Nam <i>Vietnam's Imperial Civil Service Examination System and It's Literature</i>	3	45	0	105	
13	SIN6075	Mạnh Tử và Mạnh học <i>Mengzi (The Mencius) and Mengzi Studies</i>	3	45	0	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
14	SIN6076	Kinh Lễ <i>The Classic of Rites</i>	3	45	0	105	
15	SIN6077	Kinh Dịch <i>Yijing (The Classic of Changes)</i>	3	45	0	105	
16	SIN6078	Kinh Xuân Thu và sử học Nho gia <i>Chunqiujing (Spring and Autumn Annals) and Confucian Historical Studies</i>	3	45	0	105	
17	SIN6068	Bách gia chư tử <i>Zhuzi Baijia (Chinese Ancient Philosophic Masters)</i>	3	45	0	105	
18	SIN6069	Kinh điển Phật - Đạo <i>The Classics of Buddhism and Daoism</i>	3	45	0	105	
19	SIN6070	Lý luận văn học cổ phương Đông <i>Eastern Ancient Literary Theory</i>	3	45	0	105	
20	SIN6006	Minh văn học và văn bản minh văn Việt Nam <i>Epigraphy and the Vietnamese Inscription</i>	3	45	0	105	
II	Các học phần tiên sĩ		9				
II.1	Các học phần bắt buộc		6				
21	SIN8001	Di sản Hán Nôm từ hướng tiếp cận liên ngành <i>An Interdisciplinary Approach to Sino-Nom Heritage</i>	3	45	0	105	
22	SIN8002	Văn tự học và văn tự học Hán Nôm <i>Grammatology and Grammatology for Sino-Nom Studies</i>	3	45	0	105	
II.2	Các học phần tự chọn		3/6				
23	SIN8003	Thuyên thích học truyền thống và hiện đại <i>Traditional and Modern Hermeneutics</i>	3	45	0	105	
24	SIN8018	Di sản Hán Nôm trong đời sống xã hội Việt Nam truyền thống và đương đại <i>Sino-Nom Heritage in Vietnamese Social Life: Tradition and Contemporary</i>	3	45	0	105	
III	Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
25	SIN8005	Chuyên đề 1 <i>Special Topic 1</i>	2	05	0	95	
26	SIN8006	Chuyên đề 2 <i>Special Topic 2</i>	2	05	0	95	
27	SIN8007	Chuyên đề 3 <i>Special Topic 3</i>	2	05	0	95	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
28	SIN8011	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	05	0	95	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định						
V	Luận án		73				
29	SIN9002	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	73	0	0	3650	
Tổng cộng			129				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết.

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá.